

HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18 /QĐ-HĐGSNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 24/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-TTHĐGSNN ngày 30/6/2020 của Thường trực Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ đề xuất của các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành về Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của 28 Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2020 (danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chủ tịch Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành, Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2020, Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Phó Chủ tịch HĐGSNN (để phối hợp);
- Các HĐGS ngành, liên ngành (để thực hiện);
- Các HĐGS cơ sở (để thực hiện);
- Lưu: VP.



GS. TS. Châu Văn Minh



Kèm theo Quyết định số: 18/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

9. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH HÓA HỌC – CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

a) Các chuyên ngành (Specialization):

9.1. Hóa học (Chemistry)

- 9.1.1. Hóa vô cơ (Inorganic Chemistry)
- 9.1.2. Hóa hữu cơ (Organic Chemistry)
- 9.1.3. Hóa học các hợp chất thiên nhiên (Natural product Chemistry)
- 9.1.4. Hóa phân tích (Analytical Chemistry)
- 9.1.5. Hóa lý thuyết và hóa lý (Theoretical and physical Chemistry)
- 9.1.6. Hóa sinh học (Biochemistry)
- 9.1.7. Hóa dược (Pharmaceutical Chemistry, Medicinal Chemistry)
- 9.1.8. Kỹ thuật hóa học (Chemical Engineering)
- 9.1.9. Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu (Petrochemical Engineering and oil Refining)
- 9.1.10. Hóa sinh dược (Pharmaceutical Biochemistry)

9.2. Công nghệ thực phẩm

- 9.2.1. Công nghệ thực phẩm (Food Technology)
- 9.2.2. Công nghệ sau thu hoạch (Postharvest Technology)
- 9.2.3. Công nghệ chế biến thủy sản (Fish Processing Technology)
- 9.2.4. Công nghệ sinh học (Biotechnology)
- 9.2.5. Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm (Quality Assurance and food Safety)
- 9.2.6. Kiểm nghiệm thuốc và độc chất (Drugs quality Control and Toxins)

9.3. Công nghệ vật liệu

- 9.3.1. Khoa học vật liệu (Materials Science)
- 9.3.2. Vật liệu cao phân tử và tổ hợp (High molecular and composite Materials)
- 9.3.4. Kim loại học (Metalology)
- 9.3.5. Công nghệ vật liệu dệt may (Textile material Technology)

9.4. Hóa môi trường

- 9.4.1. Hóa môi trường (Environmental Chemistry)
- 9.4.2. Khoáng vật học và địa hóa học (Mineralogy and Geochemistry)
- 9.4.3. Môi trường đất và nước (Soil and water Environment)
- 9.4.4. Độc học môi trường (Environmental Toxicology)

Kèm theo Quyết định số: 18/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

b) Danh mục tạp chí được tính điểm

Số TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\geq 2,0$)	2,0 – 3,0
				SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF < 2,0)	0 – 2,0
				ISI, Scopus (IF < 1)	0 – 1,5
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐCDGSLN quyết định từng trường hợp cụ thể.	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 – 1
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN.	0 – 0,5
5.	Communications in Physics	0868–3166	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0
6.	Hóa học (<i>Vietnam Journal of Chemistry</i>)	0866–7144	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2019
7.	Khoa học: Chuyên san Khoa học tự nhiên và Công nghệ	0866–8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5 0 – 1,0 từ 2013
8.	Khoa học Công nghệ	0866–708X	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0
9.	Khoa học & Công nghệ các trường đại học kỹ thuật	0868–3980	Tạp chí	Trường ĐHBKHN, Đại học Đà Nẵng, Trường ĐH KTCN – Đại học Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp, Trường ĐHBK TP. HCM, Trường ĐH SPKT TP. HCM, HV CNBCVT	0 – 1,0

Kèm theo Quyết định số: 18/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

10.	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (<i>Tên cũ:</i> Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp; Nông nghiệp & Công nghệ Thực phẩm)	0866-7020 Mới: 1859-4581	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0 – 1,0
11.	Phân tích Hóa Lý Sinh học	0868-3224	Tạp chí	Hội KHKT Phân tích hoá, Lý & Sinh học VN	0 – 1,0 0 – 0,75 từ 2020
12.	Phát triển Khoa học và Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP. HCM	0 – 0,75
13.	Xúc tác và Hấp phụ	0866-7411	Tạp chí	Hội Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2017
14.	Bảo vệ Môi trường	1859-042X	Tạp chí	Cục Bảo vệ Môi trường	0 – 0,5
15.	Công thương (<i>Tên cũ:</i> Công nghiệp) bao gồm cả ấn phẩm Khoa học và Công nghệ	0866-7756 Cũ 0868-3778	Tạp chí	Bộ Công thương	0 – 0,5
16.	Công nghiệp Hoá chất	0866-7004	Tạp chí	Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	0 – 0,5
17.	Dầu khí	0866-854X	Tạp chí	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia VN	0 – 0,5
18.	Dược học	0866-7225	Tạp chí	Bộ Y tế	0 – 0,5
19.	Giao thông vận tải	0866-7012	Tạp chí	Bộ Giao thông vận tải	0 – 0,5
20.	Hoá học và ứng dụng	1859-4069	Tạp chí	Hội Hoá học Việt Nam	0 – 0,5
21.	Hóa học và Công nghiệp hóa chất (đình bản)	0866-7004	Tạp chí	Bộ Công thương	0 – 0,5 trước 2003
22.	Khoa học và kỹ thuật (Science & Tech)	1859-0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật Quân sự	0 – 0,5
23.	Khoa học	1859-2325	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	0 – 0,5
24.	Khoa học	1859-2333	Tạp chí	Trường ĐH Cần Thơ	0 – 0,5
25.	Khoa học	1859-1388	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5
26.	Khoa học và Công nghệ	1859-2171	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5
27.	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5
28.	Khoa học – Công nghệ Hàng hải	1859-316X	Tạp chí	Trường ĐH Hàng hải	0 – 0,5
29.	Tài nguyên và Môi trường	1859-1477	Tạp chí	Bộ Tài nguyên và Môi trường	0 – 0,5

Kèm theo Quyết định số: 18/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

30.	Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự	1859-1043	Tạp chí	Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	0 – 0,5
31.	Nghiên cứu Y Dược học cổ truyền Việt Nam	1859-1752	Tạp chí	Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương	0 – 0,5
32.	Công nghệ Sinh học	1859-2201	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,5 UV CNTP: 0 – 1,0 từ 2019
33.	Khoa học công nghệ Thủy sản	859-2252	Tạp chí	Trường ĐH Nha Trang	0 – 0,5
34.	Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp	1859-1523	Tạp chí	Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	0 – 0,5
35.	Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp	1859- 0004	Tạp chí	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	0 – 0,5
36.	Kiểm nghiệm thuốc	1859-0055	Tạp chí	Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương	0 – 0,5
37.	Khoa học và Công nghệ	1859-3585	Tạp chí	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	0 – 0,5
38.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam -Vietnam Science and Technology (Bản B)	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2015 0 – 0,5 từ 2017 0 – 0,75 từ 2019
39.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (VJSTE) (Bản C)	2525 -2461	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,75 từ 2019
40.	Khoa học và ứng dụng	1859-2244	Tạp chí	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	0 – 0,25
41.	Khoa học	1859-3208	Tạp chí	Trường ĐH Sài Gòn	0 – 0,25
42.	Khoa học và Công nghệ	0866-7896	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hà Nội	0 – 0,25
43.	Khoa học và Công nghệ	2525-2267	Tạp chí	Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM	0 – 0,25 từ 2017
44.	Khoa học	1859-2325	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2	0 – 0,25 từ 2017
45.	Khoa học	0866-8051	Tạp chí	Trường ĐH Mở Hà Nội	0 – 0,25 từ 2017
46.	Khoa học Quốc tế AGU (Tên cũ: Khoa học) (phần D)	0866-8086	Tạp chí	Trường ĐH An Giang	0 – 0,25 từ 2017

Kèm theo Quyết định số: 18/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

47.	Khoa học và Giáo dục (chuyên san KHTN)	1859-1612	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm, Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2017
48.	Khoa học (chuyên đề Khoa học tự nhiên và công nghệ)	1859-3100	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm TP. HCM	0 – 0,25 từ 2017
49.	Khoa học kỹ thuật: Thủy lợi & Môi trường	1859-3941	Tạp chí	Trường Đại học Thủy lợi	0 – 0,25 từ 2019
50.	Khoa học và công nghệ, Chuyên san Hóa – Sinh – Khoa học trái đất	2354-0842	Tạp chí	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2019
51.	Khoa học và Công nghệ Nhiệt đới	0866-7535	Tạp chí	Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga	0 – 0,25 từ 2019
52.	Khoa học	1859 – 0357	Tạp chí	Trường Đại học Quy Nhơn	0 – 0,25 từ 2019
53.	Kiểm nghiệm và an toàn thực phẩm	2615-9252	Tạp chí	Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia, Bộ Y tế	0 – 0,25 từ 2020
54.	Khoa học công nghệ và thực phẩm	0866-8132	Tạp chí	Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2020
55.	Dược liệu	1859-4735	Tạp chí	Viện Dược liệu, Bộ Y tế	0 – 0,5 từ 2020

c) Nhà xuất bản trong nước có uy tín: Khoa học Tự nhiên và công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Quốc gia – Tp. Hồ Chí Minh; Khoa học Kỹ thuật.